

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~108~~ TB-HĐQT

Hà Nội, ngày ~~28~~ 29 tháng 08 năm 2017

V/v: Công bố ý kiến loại trừ của kiểm  
toán viên trong BCTC bán niên  
soát xét 2017

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

### **I/ GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cơ điện công trình.**
2. Mã chứng khoán: **MES**
3. Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
4. Điện thoại: 024 39331768/3933225 – Fax: 024 39332225
5. Website: mesc.com.vn

### **II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Ngày 29 tháng 08 năm 2017, Chúng tôi đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét năm 2017 Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE). Trên báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến loại trừ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như sau:

“+Tại thời điểm 30/6/2017, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi vốn của một số khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác đã tồn đọng lâu ngày với giá trị 8.226.743.734 đồng và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho với giá trị 2.856.442.532 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản nợ phải thu nêu trên và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

+ Một số công trình đã hoàn thành xong và ghi nhận doanh thu nhưng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị 2.924.725.457 đồng chưa được Công ty kết chuyển vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh. Nếu thực hiện điều chỉnh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán các kỳ có liên quan thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi với giá trị tương ứng.”



Công ty cổ phần Cơ điện công trình cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Toàn văn báo cáo tài chính bán niên 2017 được soát xét được Công ty công bố chi tiết trên Cổng thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên website của công ty.

Trân trọng thông báo ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HDQT; BKS;
- Đăng tải Website;
- Lưu: TCHC, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Kim Cương**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



---

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27

1923  
ÔN  
NH  
TOÁN  
JIỆ  
GI

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Đàm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	Thành viên

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Nguyễn Kim Cương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, số 88 Láng Hạ,  
P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**



Nguyễn Kim Cương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

Số: 642 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/07/2017 từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác đã tồn đọng lâu ngày với giá trị 8.226.743.734 đồng và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho với giá trị 2.856.442.532 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản nợ phải thu nêu trên và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Một số công trình đã hoàn thành xong và ghi nhận doanh thu nhưng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị 2.924.725.457 đồng chưa được Công ty kết chuyển vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh. Nếu thực hiện điều chỉnh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán các kỳ có liên quan thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi với giá trị tương ứng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>65.598.649.475</b>	<b>67.959.299.706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>16.002.103.176</b>	<b>14.460.274.675</b>
1. Tiền	111		1.586.557.944	8.293.900.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.415.545.232	6.166.374.317
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>21.421.170.279</b>	<b>23.282.800.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.421.170.279	23.282.800.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.420.338.026</b>	<b>21.913.462.978</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	10.013.336.782	13.887.086.669
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.678.052.972	467.941.015
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	8.728.948.272	7.558.435.294
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.570.136.889</b>	<b>8.126.044.800</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6.	7.570.136.889	8.126.044.800
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>184.901.105</b>	<b>176.717.253</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	184.901.105	176.717.253
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.849.628.922</b>	<b>126.754.825.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.050.429.167</b>	<b>21.050.429.167</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	21.050.429.167	21.050.429.167
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.533.880.625</b>	<b>76.439.077.165</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	62.097.903.625	63.003.100.165
- Nguyên giá	222		67.970.615.750	67.970.615.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.872.712.125)	(4.967.515.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	13.435.977.000	13.435.977.000
- Nguyên giá	228		13.435.977.000	13.435.977.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>29.265.319.130</b>	<b>29.265.319.130</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.265.319.130	13.265.319.130
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.000.000.000	16.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>191.448.278.397</b>	<b>194.714.125.168</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2017	01/01/2017
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.685.346.113</b>	<b>8.678.404.350</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.067.727.233</b>	<b>8.221.935.470</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	4.743.218.602	5.456.617.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	1.901.122.800	299.576.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	30.675.977	62.179.333
4. Phải trả người lao động	314		-	307.600.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	360.131.543	2.056.184.777
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.578.311	39.778.311
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>617.618.880</b>	<b>456.468.880</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12.	617.618.880	456.468.880
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183.762.932.284</b>	<b>186.035.720.818</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13.</b>	<b>183.762.932.284</b>	<b>186.035.720.818</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.000.000.000	186.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.000.000.000	186.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.237.067.716)	35.720.818
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.720.818	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.272.788.534)	35.720.818
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>191.448.278.397</b>	<b>194.714.125.168</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Ngọc

Nguyễn Tiên Ngọc

Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	6.471.448.843	308.140.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		6.471.448.843	308.140.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	5.260.504.537	106.961.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.210.944.306	201.179.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	754.809.468	285.190.521
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	4.110.906.731	1.621.339.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(2.145.152.957)	(1.134.970.089)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.4.	127.635.577	-
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(127.635.577)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.272.788.534)	(1.134.970.089)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6.	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2.272.788.534)	(1.134.970.089)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8.	(122,19)	(61,02)

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Người lập



Nguyễn Tiên Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.272.788.534)	(1.134.970.089)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	905.196.540	456.937.297
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(754.809.468)	(285.190.521)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.122.401.462)	(963.223.313)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.484.941.100	2.714.748.270
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	555.907.911	(564.218.177)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(993.058.237)	(310.214.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.074.610.688)	877.092.710
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(30.909.091)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.102.767.811)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.861.629.721	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	754.809.468	285.190.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.616.439.189	(3.848.486.381)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.541.828.501	(2.971.393.671)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.460.274.675	8.931.718.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.01	16.002.103.176	5.960.324.741

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Người lập



Nguyễn Tiến Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện công trình (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện công trình theo Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106190 ngày 04/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0100106190 thay đổi lần thứ 10 ngày 07/04/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **186.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là MES.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và dịch vụ thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích;
  - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, tưới cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;
  - Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
  - Hoàn thiện công trình xây dựng;
  - Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
  - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
  - Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái; Quản lý công viên, cây xanh; Chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước; Quản lý chung cư; Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;
- (Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi có đủ điều kiện pháp luật quy định và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)/.

#### Trụ sở công ty:

Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Bất động sản Sài Đông	Phố Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	31,31%	31,31%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

### 6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kỳ hoạt động tại ngày 04/04/2016 đến ngày 31/12/2016, là kỳ hoạt động đầu tiên khi Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Theo đó, các số liệu, thông tin và dữ liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 04/04/2016 đến ngày 30/06/2016 không mang tính so sánh được cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày phát sinh hoạt động tiền gửi.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá tổn thất các khoản đầu tư vào các Công ty này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Tại ngày 30/06/2017, Công ty chưa xem xét và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn qua một số kỳ kế toán với giá trị là 8.226.743.734 đồng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa xem xét và trích lập dự phòng giảm giá đối với một số mặt hàng nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa đã tồn đọng qua một số kỳ kế toán với giá trị 2.856.442.532 đồng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc (*)	05 - 50
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
TSCĐ khác (**)	Không tính khấu hao

(\*) Tài sản cố định thuộc nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc không trích khấu hao là "Chi phí Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy xử lý rác thải" có giá trị 17.607.916.631 đồng. Đây là các chi phí phát sinh liên quan đến việc bồi thường hoa màu cho bà con nông dân và giải phóng mặt bằng khu đất thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy xử lý rác thải. Các chi phí này đã được Nhà nước quyết toán và được bàn giao cho Công ty quản lý cùng với khu đất Dự án. Đây là tài sản được Nhà nước giao quản lý và hiện đang không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(\*\*) Tài sản cố định khác là "Cây lâu năm tại Nhà máy xử lý rác thải" của Công ty khi tiến hành Cổ phần hóa Doanh nghiệp đã được định giá là 651.085.030 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế các cây này đều không còn giá trị nên Công ty không tiến hành trích khấu hao đối với các tài sản này.

### 6.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sản văn phòng có giá trị 13.435.977.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình. Công ty không thực hiện việc trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

### 7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, Công ty ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Công ty CP Cơ điện công trình ký Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTKD ngày 05/04/2011 với Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương về việc góp vốn đầu tư xây dựng Dự án tại khu đất có diện tích 149.566 m2 thuộc xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này do Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình - nay là Công ty CP Cơ điện công trình được UBND Thành phố Hà Nội giao làm chủ đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải cho thành phố, nhưng đến nay việc xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại đây là không còn phù hợp. UBND Thành phố Hà Nội đã có chủ trương cho phép Công ty nghiên cứu đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang dự án mới phù hợp với quy hoạch. Theo Hợp đồng liên danh này, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương góp 49% tổng vốn đầu tư. Phần vốn góp 51% tổng vốn đầu tư của Dự án bao gồm vốn góp của Công ty và vốn của các đối tác khác do Công ty huy động, trực tiếp ký kết. Khoản lợi nhuận làm cơ sở để tính lợi tức là khoản lợi nhuận mà Dự án có được, trừ đi các khoản nộp nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định hiện hành và chi phí hợp lý khác (nếu có). Các Bên được hưởng lợi tức theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng. Trên thực tế, đến thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương chưa thực hiện việc góp vốn đầu tư dự án. Giá trị khoản vốn góp tương đương với 49% của Công ty này là 21.050.429.167 đồng được Công ty ghi nhận là khoản phải thu dài hạn khác tương ứng với phần vốn góp Chủ sở hữu được phê duyệt theo Quyết định Cổ phần hóa 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội.

### 8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ với công ty con.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, thương mại và cho thuê văn phòng.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu thuê dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

202  
CÔNG  
NHỊ  
HÀNH  
VIỆT  
GIÁ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cung dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	1.586.557.944	8.293.900.358
Tiền mặt	268.446.218	214.465.746
Tiền gửi ngân hàng	1.318.111.726	8.079.434.612
Tiền VND	1.288.559.106	8.049.599.462
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	710.535.230	7.233.369.049
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	324.404.293	133.797.571
Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Hoàn Kiếm	61.349.738	12.320.985
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	192.269.845	670.111.857
Tiền USD	20.306.044	20.455.842
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	18.192.835	18.342.633
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	2.113.209	2.113.209
EUR	9.246.576	9.379.308
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	9.246.576	9.379.308
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>14.415.545.232</b>	<b>6.166.374.317</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	12.391.011.899	6.166.374.317
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	2.024.533.333	-
<b>Cộng</b>	<b>16.002.103.176</b>	<b>14.460.274.675</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Đơn vị tính: VND			
<b>a, Ngắn hạn</b>				
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng	21.421.170.279	21.421.170.279	23.282.800.000	23.282.800.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đống Đa	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	10.200.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	5.221.170.279	5.221.170.279	5.082.800.000	5.082.800.000
<b>Cộng</b>	<b>21.421.170.279</b>	<b>21.421.170.279</b>	<b>23.282.800.000</b>	<b>23.282.800.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
<b>b, Dài hạn</b>				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty CP Bất động sản Sài Đồng (*)	13.265.319.130	-	13.265.319.130	13.265.319.130
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí (**)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.265.319.130</b>	<b>-</b>	<b>29.265.319.130</b>	<b>29.265.319.130</b>

**Ghi chú:**

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106894004 ngày 06/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty CP Bất động sản Sài Đồng 30.740.000.000 đồng, tương đương 29% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2017, Công ty đã góp được 13.265.319.130 đồng tương đương tỷ lệ 31,31%, số còn lại sẽ tiếp tục góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

(\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019106 ngày 22/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu khí 16.000.000.000 đồng, tương đương 8,02% vốn điều lệ. Năm 2014, khi xác định giá trị doanh nghiệp, đơn vị tư vấn đã đánh giá lại khoản đầu tư tăng thêm là 17.942.518 đồng (căn cứ trên cơ sở số lợi nhuận chưa phân phối). Năm 2016, Khi Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí chia lợi nhuận, Công ty CP Cơ điện Công trình đã ghi giảm số đánh giá tăng nêu trên vào lợi nhuận được chia và tăng vốn Nhà nước.

- Giá trị hợp lý được xác định bằng giá gốc. Công ty CP Bất động sản Sài Đồng và Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí hoạt động kinh doanh có lãi nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Ngắn hạn</b>					
Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật	4.434.000	-	2.535.775.000	-	
Ban QLDA Quận Long Biên	2.509.198.000	-	2.409.141.000	-	
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8	1.690.837.405	-	1.690.837.405	-	
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	821.650.000	-	821.650.000	-	
Ban QLDA Duy tu hạ tầng giao thông	-	-	794.968.000	-	
Công ty CP Đầu tư xây dựng 808	628.878.915	-	628.878.915	-	
Các đối tượng khác	4.358.338.462	-	5.005.836.349	-	
<b>Cộng</b>	<b>10.013.336.782</b>	<b>-</b>	<b>13.887.086.669</b>	<b>-</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán</b>			<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Ngắn hạn</b>					
Công ty CP Lâm Viên Việt Nam			211.521.000	211.521.000	
Công ty CP GAISEN Việt Nam			50.000.000	50.000.000	
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới			149.000.000	149.000.000	
Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Nhật Tân			232.534.000	-	
Công ty TNHH Vận tải Công Lý			170.000.000	-	
Công ty TNHH Điện công nghiệp và Tự động hóa LPP			140.000.000	-	
Công ty CP Cicom			150.000.000	-	
Các đối tượng khác			574.997.972	57.420.015	
<b>Cộng</b>			<b>1.678.052.972</b>	<b>467.941.015</b>	
<b>5. Phải thu khác</b>					Đơn vị tính: VND
			<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	
			<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	
<b>a) Ngắn hạn</b>					
Tạm ứng	8.728.948.272	-	7.558.435.294	-	
Trần Thị Huy	1.577.609.808	-	389.694.650	-	
Vũ Quang Huy	45.777.882	-	45.094.622	-	
Hoàng Văn Thuận	537.657.746	-	119.404.501	-	
Các đối tượng khác	136.552.960	-	-	-	
Phải thu khác	857.621.220	-	225.195.527	-	
Phải thu khác	7.151.338.464	-	7.168.740.644	-	
Phải thu BQLDA (i)	6.095.935.282	-	6.095.935.282	-	
Phải thu từ tạm ứng Cán bộ công nhân viên (ii)	644.016.625	-	644.016.625	-	
Phải thu BHXH của người lao động	118.590.625	-	54.695.313	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế VAT không được khấu trừ	127.795.932	-	127.795.932	-
Đặt cọc thuê văn phòng	165.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	246.297.492	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.050.429.167</b>	<b>-</b>	<b>21.050.429.167</b>	<b>-</b>
Phải thu khác (iii)				
Công ty CP Phát triển Tài nguyên Đông Dương	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
<b>Cộng</b>	<b>29.779.377.439</b>	<b>-</b>	<b>28.608.864.461</b>	<b>-</b>

(i) Các chi phí liên quan đến việc thực hiện chủ trương nghiên cứu, lập Dự án "Đầu tư Khu đô thị sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao" tại xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này thuộc Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải do Công ty làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, do dự án không còn phù hợp nên khu đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Nhà máy xử lý rác thải được tập hợp lại và sau này sẽ được phân bổ cho cả các Bên theo Hợp đồng liên danh hoặc sẽ được bên thứ ba quyết toán nếu mảnh đất được điều chuyển cho dự án khác do bên khác đầu tư.

(ii) Đây là khoản tạm ứng của CBCNV đã nghỉ việc. Cụ thể:

- Công nợ ông Phạm Thanh Sơn: 560.340.000 đồng. Đây là khoản công nợ đã phát sinh từ năm 2002 khi ông Cao Văn Sơn (Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình) ký Hợp đồng mua đất của ông Nguyễn Hữu Bằng qua tạm ứng của ông Phạm Thanh Sơn - nhân viên Công ty. Ông Phạm Thanh Sơn đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2005. Khoản công nợ này đã được bàn giao giữa Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình (Cao Văn Sơn) và Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Công trình (Nguyễn Quốc Đám) khi bàn giao chuyển đổi Công ty năm 2005. Khoản công nợ trên hiện khó có khả năng thu hồi.

- Công nợ ông Nguyễn Tiến Thanh: 73.906.208 đồng. Khoản công nợ trên phát sinh từ năm 2005 khi ông Nguyễn Tiến Thanh là nhân viên Xi nghiệp Gạch. Tháng 10/2007 ông Nguyễn Tiến Thanh đã tự nghỉ việc tại Công ty khi bị Công ty kỷ luật vì thu tiền nợ mua gạch của khách hàng nhưng không nộp về Công ty. Khoản công nợ của ông Nguyễn Tiến Thanh không có khả năng thu hồi.

(iii) Khoản phải thu của Công ty CP Phát triển Tài nguyên Đông Dương theo Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTĐT ngày 05/04/2011 về hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dự án Tổ hợp công trình sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khoản phải thu này đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

**6. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	263.864.405	-	263.864.405	-
Công cụ, dụng cụ	15.389.579	-	62.320.757	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.698.304.778	-	5.201.337.289	-
Thành phẩm	260.264.947	-	260.264.947	-
Hàng hóa	2.332.313.180	-	2.338.257.402	-
<b>Cộng</b>	<b>7.570.136.889</b>	<b>-</b>	<b>8.126.044.800</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2017	62.269.514.534	4.884.173.459	165.842.727	651.085.030	67.970.615.750
Số dư ngày 30/06/2017	62.269.514.534	4.884.173.459	165.842.727	651.085.030	67.970.615.750
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2017	2.394.988.868	2.474.375.134	98.151.583	-	4.967.515.585
Khấu hao trong kỳ	618.047.376	266.411.856	20.737.308	-	905.196.540
Số dư ngày 30/06/2017	3.013.036.244	2.740.786.990	118.888.891	-	5.872.712.125
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	59.874.525.666	2.409.798.325	67.691.144	651.085.030	63.003.100.165
Tại ngày 30/06/2017	59.256.478.290	2.143.386.469	46.953.836	651.085.030	62.097.903.625

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Giá trị quyền sử dụng trong tương lai (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2017	13.435.977.000	13.435.977.000
Số dư ngày 30/06/2017	13.435.977.000	13.435.977.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2017	-	-
Số dư ngày 30/06/2017	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2017	13.435.977.000	13.435.977.000
Tại ngày 30/06/2017	13.435.977.000	13.435.977.000

(\*) Là giá trị quyền sở hữu 1.000 m<sup>2</sup> sàn văn phòng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

9. Phải trả người bán	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Ngọc Khánh	863.927.971	863.927.971	863.927.971	863.927.971
Công ty TNHH Xuân Vinh	713.021.900	713.021.900	713.021.900	713.021.900
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành	309.745.840	309.745.840	438.226.840	438.226.840
Hợp tác xã nông nghiệp Dịch vụ tổng hợp Nhật Tân	111.439.275	111.439.275	427.784.475	427.784.475
Công ty CP Thương mại Huy Phương	310.620.000	310.620.000	375.436.242	375.436.242
Công ty CP Phát triển và Ứng dụng cây cỏ Việt Nam	60.142.711	60.142.711	364.703.290	364.703.290
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ cao Minh Quân	453.613.000	453.613.000	362.176.000	362.176.000
Công ty CP Đại ngàn xanh	282.315.000	282.315.000	282.315.000	282.315.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH Hoa cây cảnh Hoàng Phúc	246.696.024	246.696.024	246.696.024	246.696.024
Các đối tượng khác	1.391.696.881	1.391.696.881	1.382.329.279	1.382.329.279
<b>Cộng</b>	<b>4.743.218.602</b>	<b>4.743.218.602</b>	<b>5.456.617.021</b>	<b>5.456.617.021</b>

<b>10. Người mua trả tiền trước</b>		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH JECC Việt Nam		-	115.604.659
Công ty CP Giải pháp tòa nhà thông minh		293.963.000	-
Ban Quản lý dự án duy tu hạ tầng giao thông		500.000.000	-
Công ty CP Hóa dầu Quân đội		332.254.800	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vincom		479.160.000	-
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng Hoàng Long - Công ty CP		136.000.000	136.000.000
Các đối tượng khác		159.745.000	47.971.369
<b>Cộng</b>		<b>1.901.122.800</b>	<b>299.576.028</b>

<b>11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				<b>Đơn vị tính: VND</b>
	<b>01/01/2017</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>30/06/2017</b>
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế TNCN	176.717.253	-	-	176.717.253
Thuế TNDN	-	-	8.183.852	8.183.852
<b>Cộng</b>	<b>176.717.253</b>	<b>-</b>	<b>8.183.852</b>	<b>184.901.105</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	62.179.333	162.669.175	194.172.531	30.675.977
<b>Cộng</b>	<b>62.179.333</b>	<b>162.669.175</b>	<b>194.172.531</b>	<b>30.675.977</b>

<b>12. Phải trả khác</b>		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		<b>360.131.543</b>	<b>2.056.184.777</b>
Các khoản bảo hiểm		144.882.915	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		193.818.028	186.039.044
Dư có tạm ứng		21.430.600	1.870.145.733
<i>Hoàng Thị Trang</i>		-	269.449.427
<i>Hoàng Văn Sáng</i>		-	456.463.941
<i>Hoàng Văn Thuận</i>		-	218.221.041
<i>Trần Minh Đức</i>		-	248.775.003
<i>Đặng Thị Hà</i>		-	677.236.321
Các đối tượng khác		21.430.600	-
<b>b) Dài hạn</b>		<b>617.618.880</b>	<b>456.468.880</b>
Ký quỹ, ký cược về thuê văn phòng		617.618.880	456.468.880

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Chi nhánh Công ty CP Tin học Lạc Việt tại TP. Hà Nội	65.000.000	70.000.000
Công ty CP Tích hợp hệ thống CTS	-	151.000.000
Công ty TNHH JECC Việt Nam	112.568.400	117.568.400
Công ty CP Xuất nhập khẩu Newtechco	117.900.480	117.900.480
Công ty CP Tập đoàn ASC	205.108.000	-
Nguyễn Minh Ngọc	38.300.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận M&P	78.742.000	-
<b>Cộng</b>	<b>977.750.423</b>	<b>2.512.653.657</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 04/04/2016	186.000.000.000	-	186.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	37.199.329	37.199.329
Giảm khác	-	(1.478.511)	(1.478.511)
Số dư tại ngày 31/12/2016	186.000.000.000	35.720.818	186.035.720.818
Lỗ trong kỳ này	-	(2.272.788.534)	(2.272.788.534)
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	186.000.000.000	(2.237.067.716)	183.762.932.284

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	183.938.000.000	183.938.000.000
Các cổ đông khác	2.062.000.000	2.062.000.000
<b>Cộng</b>	<b>186.000.000.000</b>	<b>186.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
Cổ tức	-	-

**d) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 0 đồng  
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố  
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: chưa công bố  
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

e) <i>Cổ phiếu</i>	30/06/2017	01/01/2017
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.600.000	18.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.600.000	18.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.600.000	18.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.600.000	18.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.600.000	18.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		
<b>14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền gửi ngân hàng		
<i>USD</i>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	862,67	869,02
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà nội	101,91	101,91
<i>EUR</i>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	331,68	337,14
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	6.328.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.465.120.843	308.140.069
<b>Cộng</b>	<b>6.471.448.843</b>	<b>308.140.069</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa	5.944.222	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.254.560.315	106.961.000
<b>Cộng</b>	<b>5.260.504.537</b>	<b>106.961.000</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	754.809.468	285.190.521
<b>Cộng</b>	<b>754.809.468</b>	<b>285.190.521</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Chi phí khác	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
Phạt thuế	127.635.577	-
Cộng	<b>127.635.577</b>	-
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.369.623.215	518.488.201
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	41.480.804	115.386.188
Chi phí khấu hao TSCĐ	838.239.618	423.328.870
Thuế, phí, lệ phí	7.902.852	4.670.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.751.334	94.123.361
Chi phí bằng tiền khác	1.703.908.908	465.343.059
Cộng	<b>4.110.906.731</b>	<b>1.621.339.679</b>
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	7.226.258.311	593.330.590
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	9.371.411.268	1.728.300.679
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	127.635.577	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.145.152.957)	(1.134.970.089)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.633.586.381	710.121.104
Chi phí nhân công	2.601.451.661	518.488.201
Chi phí khấu hao	905.196.540	456.937.297
Chi phí mua ngoài	257.334.990	291.403.186
Chi phí bằng tiền khác	3.464.605.031	470.101.367
Cộng	<b>8.862.174.603</b>	<b>2.447.051.155</b>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.272.788.534)	(1.134.970.089)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,  
số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.272.788.534)	(1.134.970.089)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.600.000	18.600.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(122,19)	(61,02)

*(\*): Trong 6 tháng đầu năm 2017 không có cơ sở ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu nêu trên chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.***VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương, thưởng	248.677.274	162.935.222
Cộng	248.677.274	162.935.222

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 04/04/2016 đến ngày 30/06/2016 do Công ty lập và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 04/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Người lập

Nguyễn Tiến Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương